

Số: **12** /QĐ-ĐTĐL

Hà Nội, ngày **05** tháng **02** năm **2016**

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn duy nhất

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 153/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực thuộc Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh;

Căn cứ Thông tư số 51/2015/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thị trường điện lực,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn duy nhất hướng dẫn thực hiện Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số 51/2015/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 129/QĐ-ĐTĐL ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực ban hành Quy trình phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn duy nhất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, các Trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu phát triển thị trường điện lực và Đào tạo thuộc Cục Điều tiết điện lực, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Giám đốc đơn vị điện lực và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Hoàng Quốc Vượng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, PC, TTĐL.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Anh Tuấn

QUY TRÌNH

Phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn duy nhất

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /QĐ-ĐTĐL
ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định trình tự, phương pháp và trách nhiệm của các đơn vị trong công tác phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn duy nhất trong thị trường phát điện cạnh tranh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với các đơn vị sau đây:

1. Đơn vị mua buôn duy nhất.
2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.
3. Đơn vị phát điện.
4. Đơn vị Quản lý số liệu đo đếm điện năng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy trình này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bản chào giá* là bản chào bán điện năng lên thị trường điện của mỗi tổ máy, được đơn vị chào giá nộp cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo mẫu bản chào giá quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh.

2. *Bảng kê thanh toán* là bảng tính toán các khoản thanh toán cho nhà máy điện trên thị trường điện được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện lập cho mỗi ngày giao dịch và cho mỗi chu kỳ thanh toán.

3. *Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện* là đơn vị chỉ huy điều khiển quá trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện trong hệ thống điện quốc gia, điều hành giao dịch thị trường điện.

4. *Đơn vị mua buôn duy nhất* là Đơn vị mua điện duy nhất trong thị trường điện, có chức năng mua toàn bộ điện năng qua thị trường điện và qua Hợp đồng mua bán điện.

5. *Đơn vị phát điện* là đơn vị sở hữu một hoặc nhiều nhà máy điện tham gia thị trường điện và ký Hợp đồng mua bán điện giữa các nhà máy điện này với Đơn vị mua buôn duy nhất.

6. *Đơn vị quản lý số liệu đo đếm điện năng* là đơn vị cung cấp, lắp đặt, quản lý vận hành hệ thống thu thập, xử lý, lưu trữ số liệu đo đếm điện năng và mạng đường truyền thông tin phục vụ thị trường điện.

7. *Hồ sơ xác nhận sự kiện tháng* là hồ sơ được lập theo quy định tại Điều 9 Quy trình này.

8. *Hợp đồng mua bán điện* là văn bản thỏa thuận mua bán điện giữa Đơn vị mua buôn duy nhất và đơn vị phát điện hoặc mua bán điện với nước ngoài.

9. *Ngày* là ngày dương lịch.

10. *Ngày D* là ngày giao dịch hiện tại.

11. *Sản lượng hợp đồng giờ* là sản lượng điện năng được phân bổ cho từng chu kỳ giao dịch và được thanh toán theo Hợp đồng mua bán điện dạng sai khác.

12. *Tháng M* là tháng vận hành thị trường điện trong đó có các sự kiện, được tính theo tháng dương lịch.

13. *Thông tư số 30/2014/TT-BCT* là Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh.

14. *Thông tư số 51/2015/TT-BCT* là Thông tư số 51/2015/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện.

15. *Trang thông tin điện tử thị trường điện* là trang thông tin điện tử nội bộ có chức năng công bố thông tin vận hành hệ thống điện và thị trường điện nội bộ

do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quản trị và vận hành.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC NHẬN SỐ LIỆU THANH TOÁN

Điều 4. Trình tự xác nhận, đối soát số liệu thanh toán ngày

1. Trước 09h00 ngày D+2, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm tổng hợp và cung cấp cho Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện qua Trang thông tin điện tử thị trường điện các số liệu phục vụ việc tính toán thanh toán cho từng nhà máy điện theo quy định tại Phụ lục 2 Quy trình này.

Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện có trách nhiệm sử dụng số liệu do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện cung cấp để tính toán các khoản thanh toán thị trường của ngày D.

2. Trước ngày D+4, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm lập và gửi cho Đơn vị mua buôn duy nhất và các Đơn vị phát điện qua Trang thông tin điện tử thị trường điện bảng kê thanh toán thị trường điện sơ bộ cho ngày D.

Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện có trách nhiệm kiểm tra, đối soát các khoản thanh toán thị trường điện do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện gửi trên cơ sở các số liệu quy định tại Khoản 1 Điều này và các quy định của thị trường phát điện cạnh tranh. Đơn vị phát điện có trách nhiệm cung cấp cho Đơn vị mua buôn duy nhất bản sao phiếu đăng ký lịch sửa chữa đã được phê duyệt (nếu có) và các thông tin theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục 5 Quy trình này để phục vụ việc đối soát, kiểm tra các khoản thanh toán thị trường điện.

3. Trước ngày D+6, Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện có trách nhiệm xác nhận bảng kê thanh toán thị trường điện theo quy định trên Trang thông tin điện tử thị trường điện và thông báo lại cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện sai sót trong bảng kê thanh toán thị trường điện sơ bộ (nếu có).

4. Vào ngày D+6, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm lập và gửi cho Đơn vị mua buôn duy nhất và các Đơn vị phát điện bảng kê thanh toán thị trường điện hoàn chỉnh cho ngày D qua Trang thông tin điện tử thị trường điện.

Điều 5. Trình tự xác nhận, đối soát số liệu thanh toán tháng

1. Ngay sau khi kết thúc tháng M, Đơn vị phát điện có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để hoàn thiện hồ sơ xác nhận sự kiện tháng của tháng M. Hồ sơ bao gồm các sự kiện ngày đã thống nhất của tháng M theo quy định tại Điều 9 Quy trình này và bảng tổng hợp các sự kiện chưa thống nhất giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện (nếu có).

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng M, Đơn vị phát điện có trách nhiệm gửi cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện hồ sơ xác nhận sự kiện tháng của tháng M.

Đơn vị phát điện phải chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các sự kiện được liệt kê trong hồ sơ yêu cầu.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xác nhận sự kiện tháng M của Đơn vị phát điện, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm kiểm tra, đối soát hồ sơ xác nhận sự kiện tháng của tháng M và thống nhất với Đơn vị phát điện để loại bỏ các sự kiện sai khác hoặc bổ sung các sự kiện (nếu có). Sau khi hai bên đã thống nhất được các sự kiện của tháng M, Đơn vị phát điện có trách nhiệm hiệu chỉnh và hoàn thiện hồ sơ gửi Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện bằng văn bản để Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố trên Trang thông tin điện tử thị trường điện.

Đơn vị phát điện và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm ký xác nhận bảng xác nhận sự kiện tháng M. Bảng xác nhận sự kiện tháng M được lập thành 03 (ba) bản có giá trị như nhau: 01 (một) bản lưu tại Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, 01 (một) bản lưu tại Đơn vị phát điện và 01 (một) bản được Đơn vị phát điện cung cấp cho Đơn vị mua buôn duy nhất.

3. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm tổng hợp các số liệu đo đếm cho các ngày giao dịch trong chu kỳ thanh toán và kiểm tra đối chiếu với biên bản tổng hợp sản lượng điện năng do Đơn vị quản lý số liệu đo đếm điện năng cung cấp.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch cuối cùng của chu kỳ thanh toán, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm lập và phát hành bảng kê thanh toán thị trường điện cho chu kỳ thanh toán.

5. Đơn vị phát điện có trách nhiệm lập và gửi hồ sơ thanh toán thị trường điện, hồ sơ thanh toán hợp đồng sai khác, bản sao phiếu đăng ký lịch sửa chữa đã được phê duyệt (nếu có) và các thông tin theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục 5

Quy trình này phục vụ việc kiểm tra, đối soát các khoản thanh toán cho Đơn vị mua buôn duy nhất theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện đã ký giữa Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện.

Đơn vị mua buôn duy nhất có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các khoản thanh toán do Đơn vị phát điện gửi và thông báo lại cho Đơn vị phát điện sai sót (nếu có).

6. Đơn vị mua buôn điện duy nhất có trách nhiệm thanh toán cho Đơn vị phát điện, thời hạn thanh toán được thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán điện đã ký giữa hai bên.

7. Trường hợp đến ngày 20 hàng tháng, Đơn vị phát điện chưa nhận được bảng kê thanh toán thị trường điện mà nguyên nhân không phải từ Đơn vị phát điện, Đơn vị phát điện có quyền lập và gửi hồ sơ tạm thanh toán căn cứ theo sản lượng điện phát và giá Hợp đồng mua bán điện cho Đơn vị mua buôn duy nhất.

Chương III

NỘI DUNG KIỂM TRA ĐỐI SOÁT CÁC KHOẢN THANH TOÁN

Điều 6. Đối soát bảng kê thanh toán thị trường điện

1. Đối soát bảng kê thanh toán thị trường điện ngày

a) Đơn vị mua buôn điện duy nhất và Đơn vị phát điện có trách nhiệm kiểm tra bảng kê thanh toán hàng ngày, bao gồm các nội dung sau:

- Khoản thanh toán cho phần sản lượng được thanh toán theo giá điện năng thị trường trong chu kỳ giao dịch (đồng);

- Khoản thanh toán cho phần sản lượng được thanh toán theo giá chào đối với các nhà máy nhiệt điện có giá chào lớn hơn giá trần thị trường trong chu kỳ giao dịch (đồng);

- Khoản thanh toán cho phần sản lượng điện năng phát tăng thêm trong chu kỳ giao dịch (đồng);

- Khoản thanh toán cho phần sản lượng điện năng phát sai khác so với sản lượng huy động theo lệnh độ trong chu kỳ giao dịch (đồng);

- Khoản thanh toán công suất thị trường trong chu kỳ giao dịch (đồng).

b) Các số liệu đầu vào phục vụ tính toán kiểm tra, xác nhận số liệu bảng kê thanh toán thị trường điện hàng ngày được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện cung cấp cho Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy trình này và Quy trình quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin điều hành thị trường điện và công bố thông tin thị

trường điện do Cục Điều tiết điện lực ban hành. Đơn vị phát điện có trách nhiệm cung cấp các tài liệu liên quan cho Đơn vị mua buôn duy nhất để phục vụ kiểm tra, đối soát bảng kê thanh toán thị trường điện;

c) Các khoản thanh toán tại bảng kê thanh toán thị trường điện hàng ngày được tính toán theo quy định tại Quy trình lập lịch huy động các tổ máy phát điện, vận hành thời gian thực và tính toán thanh toán trong thị trường điện và các quy định có liên quan.

2. Đối soát bảng kê thanh toán thị trường điện tháng

a) Đơn vị phát điện có trách nhiệm kiểm tra và gửi cho Đơn vị mua buôn duy nhất bảng kê thanh toán thị trường điện tháng do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện phát hành kèm theo trong hồ sơ thanh toán tiền điện tháng;

b) Đơn vị mua buôn duy nhất có trách nhiệm kiểm tra các số liệu tại bảng kê thanh toán thị trường điện tháng căn cứ vào các số liệu tại bảng kê thanh toán thị trường điện hàng ngày đã được Đơn vị mua buôn điện duy nhất và Đơn vị phát điện xác nhận trên Trang thông tin điện tử thị trường điện. Bảng kê thanh toán thị trường điện tháng là bảng tổng hợp của các số liệu tại bảng kê thanh toán thị trường điện các ngày trong tháng và số tiền chênh lệch của tháng trước chuyển sang (nếu có).

Điều 7. Đối soát khoản thanh toán hợp đồng sai khác

1. Đơn vị phát điện có trách nhiệm gửi cho Đơn vị mua buôn duy nhất khoản thanh toán hợp đồng sai khác kèm theo trong hồ sơ thanh toán tiền điện tháng theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục 3 Quy trình này.

2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm thông báo cho Đơn vị mua buôn duy nhất các trường hợp điều chỉnh sản lượng hợp đồng giờ của các Đơn vị phát điện và sản lượng hợp đồng giờ điều chỉnh tương ứng (nếu có).

3. Đơn vị mua buôn điện duy nhất có trách nhiệm kiểm tra, đối soát khoản thanh toán hợp đồng sai khác theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện đã ký giữa Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện, căn cứ theo các số liệu sau:

a) Giá hợp đồng tháng M được tính toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện;

b) Giá điện năng thị trường của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố;

c) Giá công suất của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do Đơn vị vận

hành hệ thống điện và thị trường điện công bố;

d) Sản lượng hợp đồng giờ tháng M theo bản ký xác nhận giữa Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện.

Điều 8. Đối soát các khoản thanh toán khác

1. Đơn vị mua buôn điện duy nhất có trách nhiệm đối soát các khoản thanh toán khác (nếu có) của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do Đơn vị phát điện gửi kèm theo trong hồ sơ thanh toán tiền điện tháng căn cứ trên các bảng xác nhận sự kiện được quy định tại Điều 9 Quy trình này. Các khoản thanh toán gồm:

a) Khoản thanh toán cho lượng điện năng hữu công nhận từ lưới điện theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện trong trường hợp Đơn vị phát điện có tổ máy phát hoặc nhận công suất phản kháng trong chế độ chạy bù đồng bộ;

b) Khoản thanh toán chi phí khởi động cho tổ máy nhiệt điện hoặc lò hơi bị buộc phải ngừng trong trường hợp thừa công suất. Đơn vị phát điện được thanh toán chi phí khởi động theo thỏa thuận với Đơn vị mua buôn duy nhất. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm xác nhận các sự kiện này để Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện làm căn cứ thanh toán chi phí khởi động;

c) Khoản thanh toán cho phần sản lượng đo đếm điện năng tháng do Đơn vị quản lý số liệu đo đếm cung cấp sai khác so với tổng điện năng đo đếm các ngày trong tháng do Đơn vị quản lý số liệu đo đếm cung cấp, phần điện năng chênh lệch được thanh toán theo giá Hợp đồng mua bán điện đã ký giữa Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện;

d) Khoản thanh toán trong trường hợp các tổ máy nhiệt điện tuabin khí có chung đuôi hơi có thời điểm vận hành chu trình đơn, vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện. Việc thanh toán cho nhà máy tuabin khí trong chu kỳ này được thanh toán theo giá điện trong Hợp đồng mua bán điện đã ký với Đơn vị mua buôn duy nhất tương ứng với cấu hình tổ máy khi vận hành chu trình đơn, vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính;

đ) Khoản thanh toán trong trường hợp nhà máy điện tuabin khí tạm thời gián tiếp tham gia thị trường điện theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện. Trong trường hợp này toàn bộ sản lượng điện của nhà máy trong các chu kỳ giao dịch có liên quan được thanh toán theo giá điện được quy định tại Hợp đồng mua bán điện;

e) Khoản thanh toán cho nhà máy điện có tổ máy phát điện tách khỏi hệ thống điện quốc gia và đấu nối vào lưới điện mua từ nước ngoài. Trong trường hợp này toàn bộ sản lượng điện của nhà máy điện trong ngày giao dịch được thanh toán theo giá quy định tại Hợp đồng mua bán điện;

g) Khoản thanh toán cho nhà máy điện trong trường hợp tổ máy bị sự cố lớn hơn 72 giờ. Trong trường hợp sản lượng phát thực tế tại điểm giao nhận của nhà máy nhỏ hơn sản lượng hợp đồng trong giai đoạn này thì sản lượng hợp đồng giờ áp dụng cho thanh toán trong thị trường điện của nhà máy được điều chỉnh bằng sản lượng phát thực tế của nhà máy. Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung phụ lục sản lượng hợp đồng tháng làm cơ sở cho việc thanh toán;

h) Khoản thanh toán cho nhà máy điện trong trường hợp tổ máy kéo dài thời gian sửa chữa so với kế hoạch đã được phê duyệt và được đưa vào tính sản lượng hợp đồng giờ. Trong trường hợp sản lượng phát thực tế tại điểm giao nhận của nhà máy nhỏ hơn sản lượng hợp đồng trong các chu kỳ sửa chữa kéo dài thì sản lượng hợp đồng giờ áp dụng cho thanh toán trong thị trường điện của nhà máy được điều chỉnh bằng sản lượng phát thực tế của nhà máy. Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung phụ lục sản lượng hợp đồng tháng làm cơ sở cho việc thanh toán;

i) Khoản thanh toán trong trường hợp nhà máy có tổ máy phát điện thí nghiệm. Trường hợp này tách toán bộ nhà máy đó ra khỏi thị trường điện trong các chu kỳ chạy thí nghiệm. Toàn bộ sản lượng của nhà máy trong các chu kỳ thí nghiệm sẽ được thanh toán theo quy định tại Hợp đồng mua bán điện đã ký với Đơn vị mua buôn duy nhất;

k) Khoản thanh toán cho tổ máy đã có kế hoạch ngừng máy được phê duyệt nhưng vẫn phải phát công suất theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện. Trường hợp này, tách toàn bộ nhà máy đó ra khỏi thị trường điện trong khoảng thời gian phát công suất theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện. Toàn bộ sản lượng phát của nhà máy lên lưới trong khoảng thời gian này được thanh toán theo giá điện trong Hợp đồng mua bán điện đã ký với Đơn vị mua buôn duy nhất;

m) Khoản thanh toán cho tổ máy bị tách ra thị trường do việc chào giá của nhà máy dẫn đến hồ chứa của nhà máy 02 tuần liên vi phạm mức nước giới hạn tuần, tuần tiếp theo nhà máy không được tự chào giá và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện được phép can thiệp vào lịch huy động các nhà máy điện này căn cứ kết quả tính toán giá trị nước để đảm bảo các yêu cầu về an ninh hệ

thống điện và đưa mức nước của hồ chứa về mức nước giới hạn tuần. Trong thời gian bị can thiệp các nhà máy chỉ được thanh toán với giá bằng 90% giá Hợp đồng mua bán điện nhưng không quá 02 tuần kể từ khi bị can thiệp.

Trong trường hợp Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện không huy động trên cơ sở bản chào giá của nhà máy để đảm bảo an ninh hệ thống điện dẫn đến hồ chứa của nhà máy vi phạm mức nước giới hạn tuần thì toàn bộ sản lượng trong thời gian bị can thiệp được thanh toán theo giá điện trong Hợp đồng mua bán điện đã ký với Đơn vị mua buôn duy nhất;

n) Khoản thanh toán cho nhà máy trong trường hợp dừng thị trường điện hoặc can thiệp thị trường điện lớn hơn hoặc bằng 24 giờ. Trong trường hợp này, Đơn vị phát điện được thanh toán theo giá Hợp đồng mua bán điện cho toàn bộ sản lượng điện năng đo đếm;

o) Khoản thanh toán cho nhà máy thủy điện trong trường hợp tổ máy phải phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá ngày tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện vì lý do an ninh hệ thống điện. Trong trường hợp này, toàn bộ sản lượng điện phát của nhà máy lên lưới được thanh toán theo giá điện được quy định tại Hợp đồng mua bán điện;

p) Khoản thanh toán cho nhà máy trong trường hợp nhà máy phải thay đổi công suất để điều chỉnh tần số lưới theo lệnh của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện trong khoảng thời gian lưới điện khu vực bị tách ra lưới điện quốc gia. Toàn bộ sản lượng điện năng đo đếm trong khoảng thời gian này của Đơn vị phát điện được thanh toán theo giá điện trong Hợp đồng mua bán điện đã ký với Đơn vị mua buôn duy nhất;

q) Khoản thanh toán cho nhà máy điện đảm nhận chức năng điều tần cấp I theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện: Toàn bộ sản lượng điện của nhà máy trong các chu kỳ liên quan được thanh toán theo cơ chế của nhà máy thủy điện có hồ điều tiết dưới 02 ngày, không tính đến sản lượng điện năng phát sai khác so với lệnh điều độ. Các nhà máy thủy điện cùng nhóm nhà máy thủy điện bậc thang (nếu có) của các nhà máy tham gia điều tần cấp I được thanh toán theo cơ chế của nhà máy thủy điện có hồ điều tiết dưới 02 ngày, có xét đến sản lượng điện năng phát sai khác so với lệnh điều độ;

r) Khoản thanh toán trong trường hợp dừng thị trường điện. Nhà máy điện được thanh toán toàn bộ sản lượng đã phát trong chu kỳ thanh toán theo giá điện được quy định tại Hợp đồng mua bán điện;

s) Khoản thanh toán trong trường hợp nhà máy điện bị đình chỉ quyền tham

gia thị trường điện. Nhà máy điện được tạm thanh toán toàn bộ sản lượng đã phát trong chu kỳ thanh toán với giá bằng 90% giá hợp đồng mua bán điện. Số tiền chênh lệch còn lại (10% còn lại) được quyết toán trong chu kỳ thanh toán của tháng đầu tiên khi nhà máy được khôi phục lại quyền tham gia thị trường điện;

t) Các trường hợp khác theo quy định của Bộ Công Thương và văn bản hướng dẫn của Cục Điều tiết điện lực.

2. Đơn vị phát điện và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm thực hiện xác nhận các nội dung theo quy định từ Khoản 1 đến Khoản 15 Điều 9 Quy trình này, theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục 4 Quy trình này và theo quy định tại Quy trình phối hợp xác nhận các sự kiện phục vụ các khoản thanh toán trên thị trường điện do Cục Điều tiết điện lực ban hành.

Điều 9. Hồ sơ sự kiện phục vụ thanh toán

Đơn vị phát điện có trách nhiệm gửi cho Đơn vị mua buôn duy nhất (kèm theo trong hồ sơ thanh toán tháng) các tài liệu như sau:

1. Các thời điểm liên quan đến việc khởi động, ngừng máy của các tổ máy nhiệt điện để phục vụ việc thanh toán chi phí khởi động và kiểm tra tính toán sản lượng điện năng phát sai khác so với sản lượng huy động theo lệnh điều độ (Qdu) theo biểu mẫu quy định tại Bảng 1 và Bảng 2 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm khởi động của tổ máy hoặc lò máy (áp dụng đối với các trường hợp tổ máy được thanh toán chi phí khởi động);

b) Nhiên liệu và cấu hình khởi động tổ máy (áp dụng đối với các trường hợp tổ máy tuabin khí được thanh toán chi phí khởi động);

c) Chế độ khởi động (áp dụng đối với các trường hợp tổ máy tuabin khí được thanh toán chi phí khởi động);

d) Thời điểm hoàn thành lệnh hòa lưới tổ máy hoặc thời điểm đóng máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy;

đ) Thời điểm tổ máy đạt công suất theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện hoặc thời điểm tổ máy đạt công suất phát ổn định thấp nhất;

e) Thời điểm bắt đầu thực hiện lệnh ngừng máy hoặc lệnh thay đổi công suất về giá trị 0 (không);

g) Thời điểm hoàn thành lệnh ngừng máy hoặc lệnh thay đổi công suất về giá trị 0 (không) hoặc thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy;

h) Lý do ngừng tổ máy, lò máy (áp dụng đối với các trường hợp tổ máy được thanh toán chi phí khởi động).

2. Các chu kỳ tổ máy bị sự cố lớn hơn 72 giờ phục vụ điều chỉnh sản lượng hợp đồng giờ theo biểu mẫu quy định tại Bảng 3 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm tổ máy bắt đầu sự cố;

b) Thời điểm bắt đầu xem xét điều chỉnh Qc: Là chu kỳ giao dịch thứ 73 tính từ chu kỳ giao dịch kế tiếp sau chu kỳ tổ máy bị sự cố;

c) Thời điểm tổ máy kết thúc sự cố;

3. Các chu kỳ tổ máy kéo dài thời gian sửa chữa so với kế hoạch phục vụ điều chỉnh sản lượng hợp đồng giờ theo biểu mẫu quy định tại Bảng 4 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm tổ máy bắt đầu sửa chữa theo kế hoạch;

b) Thời điểm tổ máy kết thúc sửa chữa theo kế hoạch;

c) Thời điểm tổ máy bắt đầu tách ra sửa chữa thực tế;

d) Thời điểm tổ máy kết thúc sửa chữa theo thực tế;

4. Các thời điểm tổ máy phát hoặc nhận công suất phản kháng phục vụ điều chỉnh điện áp theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để thanh toán lượng điện năng hữu công nhận từ lưới điện theo biểu mẫu quy định tại Bảng 5 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm tổ máy bắt đầu phát hoặc nhận công suất phản kháng phục vụ điều chỉnh điện áp;

b) Thời điểm tổ máy kết thúc phát hoặc nhận công suất phản kháng phục vụ điều chỉnh điện áp.

5. Các thời điểm thí nghiệm của tổ máy theo kế hoạch đã được phê duyệt theo biểu mẫu quy định tại Bảng 6 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm tổ máy bắt đầu thí nghiệm;

b) Thời điểm tổ máy kết thúc thí nghiệm;

c) Tỷ lệ % (phần trăm) nhiên liệu không phải nhiên liệu chính sử dụng để thí nghiệm (được áp dụng đối với các tổ máy tuabin khí);

d) Cấu hình thí nghiệm (được áp dụng với các tổ máy tuabin khí).

6. Các thời điểm tổ máy tách ra lưới điện quốc gia và đấu nối vào lưới điện mua từ nước ngoài theo biểu mẫu quy định tại Bảng 7 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm tách ra lưới điện quốc gia và đấu nối lưới điện mua từ nước ngoài;

b) Thời điểm tách ra lưới điện mua từ nước ngoài và đấu nối trở lại lưới điện quốc gia.

7. Các chu kỳ bị tách ra thị trường điện do vi phạm mức nước giới hạn tuần của các nhà máy thủy điện theo biểu mẫu quy định tại Bảng 8 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

a) Chu kỳ bắt đầu là chu kỳ nhà máy bị tách ra thị trường điện do hồ chứa của nhà máy có 02 tuần liên vi phạm mức nước giới hạn tuần;

b) Chu kỳ kết thúc là chu kỳ sau khi mức nước của nhà máy đã đảm bảo không vi phạm mức nước giới hạn tuần theo công bố của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

c) Lý do nhà máy vi phạm mức nước giới hạn tuần.

8. Khoảng thời gian tổ máy đã có kế hoạch ngừng máy được phê duyệt nhưng vẫn phải phát theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện theo biểu mẫu quy định tại Bảng 9 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

a) Chu kỳ bắt đầu tổ máy phải vận hành theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện mặc dù kế hoạch ngừng máy đã được phê duyệt;

b) Chu kỳ kết thúc việc tổ máy phải phát theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

9. Khoảng thời gian tổ máy tuabin khí chuyển đổi nhiên liệu theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo biểu mẫu quy định tại Bảng 10 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm bắt đầu chuyển đổi nhiên liệu;

b) Thời điểm hoàn thành lệnh chuyển đổi nhiên liệu;

c) Thời điểm bắt đầu ngừng chế độ chuyển đổi nhiên liệu;

d) Thời điểm kết thúc việc chuyển đổi nhiên liệu;

đ) Tỷ lệ % (phần trăm) nhiên liệu không phải nhiên liệu chính (nếu có);

e) Cấu hình chạy chuyển đổi;

g) Chế độ chạy chuyển đổi nhiên liệu (chuyển từ khí sang dầu, khí sang hỗn hợp khí, dầu).

10. Khoảng thời gian tổ máy tuabin khí vận hành chu trình đơn theo biểu mẫu quy định tại Bảng 11 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

- a) Thời điểm tổ máy bắt đầu vận hành chu trình đơn;
- b) Thời điểm tổ máy kết thúc vận hành chu trình đơn;
- c) Tỷ lệ % (phần trăm) nhiên liệu không phải nhiên liệu chính (nếu có).

11. Khoảng thời gian nhà máy phải thay đổi công suất để điều chỉnh tần số lưới theo lệnh của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện trong khoảng thời gian lưới điện khu vực bị tách ra lưới điện quốc gia theo biểu mẫu quy định tại Bảng 12 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

- a) Thời điểm nhà máy bắt đầu tham gia điều chỉnh tần số lưới khu vực theo lệnh của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;
- b) Thời điểm nhà máy kết thúc việc tham gia điều chỉnh tần số lưới khu vực theo lệnh của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

12. Khoảng thời gian nhà máy đảm nhiệm chức năng điều tần cấp một theo chỉ định của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo biểu mẫu quy định tại Bảng 13 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

- a) Thời điểm nhà máy bắt đầu tham gia điều tần cấp một theo chỉ định của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;
- b) Thời điểm nhà máy kết thúc việc tham gia điều tần cấp một theo chỉ định của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

13. Khoảng thời gian tổ máy tuabin khí tạm thời gián tiếp tham gia thị trường điện theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo biểu mẫu quy định tại Bảng 14 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

- a) Thời điểm nhà máy bắt đầu gián tiếp tham gia thị trường điện theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;
- b) Thời điểm nhà máy kết thúc việc gián tiếp tham gia thị trường điện theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

14. Khoảng thời gian tổ máy thủy điện phải phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá ngày tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo biểu mẫu quy định tại Bảng 15 Phụ lục 4 Quy trình này, bao gồm các nội dung sau:

a) Chu kỳ nhà máy bắt đầu phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá ngày tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

b) Chu kỳ nhà máy kết thúc việc phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá ngày tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

15. Bảng xác nhận trong trường hợp sản lượng đo đếm điện năng tháng do Đơn vị quản lý số liệu đo đếm cung cấp sai khác so với tổng điện năng đo đếm các ngày trong tháng do Đơn vị quản lý số liệu đo đếm cung cấp.

16. Thông báo bằng văn bản của Cục Điều tiết Điện lực về việc đình chỉ quyền tham gia thị trường điện.

17. Thông báo bằng văn bản của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện về việc dừng thị trường điện hoặc can thiệp thị trường điện lớn hơn hoặc bằng 24 giờ./.

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục 1

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quy trình phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các Đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn duy nhất)

1. Thời gian biểu kiểm tra, đối soát số liệu thanh toán

| Thời hạn | Đơn vị thực hiện | Nội dung |
|--|------------------|---|
| Trước Ngày D+2 | SMO | Công bố sự kiện đã được thông nhất lên Trang thông tin điện tử thị trường điện. |
| Trước 9h00 Ngày D+2 | SMO | Cung cấp các số liệu phục vụ tính toán thanh toán thị trường điện ngày D. |
| Trước Ngày D+4 | SMO | Lập và gửi bảng kê thanh toán thị trường điện sơ bộ cho ngày D. |
| Trước Ngày D+4 | ĐVPh | Gửi cho SB các tài liệu liên quan đến tình hình phát điện (sự cố, sửa chữa tổ máy,...). |
| Trước Ngày D+6 | SB, ĐVPh | Xác nhận bảng kê thanh toán thị trường điện ngày D, thông báo lại cho SMO các sai sót (nếu có). |
| Ngày D+6 | SMO | Lập và gửi cho SB và ĐVPh bảng kê thanh toán thị trường điện hoàn chỉnh cho ngày D. |
| 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng M | ĐVPh | Gửi Hồ sơ yêu cầu xác nhận các sự kiện trong tháng M. |
| 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu xác nhận sự kiện | SMO | Kiểm tra, đối soát, phản hồi ý kiến. |
| Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch cuối cùng của chu kỳ thanh toán | SMO | Lập và phát hành bảng kê thanh toán thị trường điện tháng M. |
| Trước thời hạn thanh toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện | SB, ĐVPh | Thực hiện các thủ tục thanh toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện và Quy định thị trường điện. |

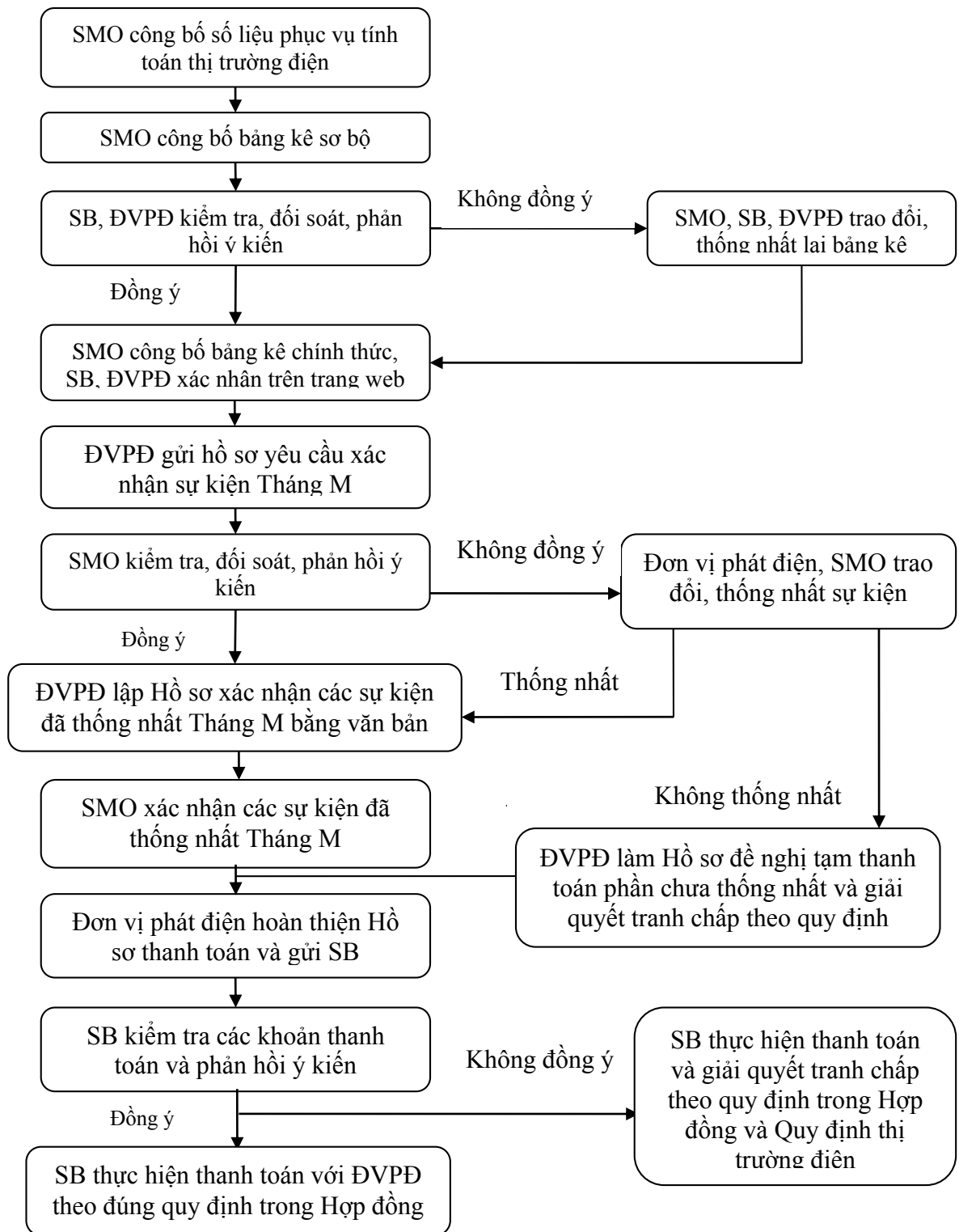
Chú thích:

SMO: Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

SB: Đơn vị mua buôn duy nhất;

ĐVPh: Đơn vị phát điện.

2. Lưu đồ xác nhận đối soát số liệu thanh toán



Phụ lục 2
DỮ LIỆU PHỤC VỤ TÍNH TOÁN THANH TOÁN

(Ban hành kèm theo Quy trình phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các Đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn duy nhất)

| Số liệu | Ký hiệu | Đơn vị cung cấp |
|---|---------------------|-----------------|
| Điện năng đo đếm trong chu kỳ giao dịch i của ngày D , kWh. | $Qmq_{d,i}$ | MDMSP |
| Giá điện năng thị trường trong chu kỳ giao dịch i của ngày D , VND/kWh. | $SMP_{d,i}$ | SMO |
| Giá điện năng sử dụng để xác định phần công suất được nhận CAN trong chu kỳ giao dịch i của ngày D , VND/kWh. | $SMP_{d,i}^{(CAN)}$ | |
| Giá công suất thị trường CAN trong chu kỳ giao dịch i của ngày D , VND/kWh. | $CAN_{d,i}$ | |
| Tổng lượng công suất được trả CAN của tổ máy g trong chu kỳ giao dịch i của ngày D thuộc chu kỳ thanh toán, kWh. | $Qcan_{d,i}^g$ | |
| Công suất lập lịch cung cấp dự phòng quay của tổ máy g trong chu kỳ giao dịch i của ngày D thuộc chu kỳ thanh toán, kWh. | $Qspn_{d,i}^g$ | |
| Sản lượng điện năng thanh toán theo giá điện năng thị trường của tổ máy g trong chu kỳ giao dịch i của ngày D thuộc chu kỳ thanh toán, kWh. | $Qsmp_{d,i}^g$ | |
| Sản lượng điện năng thanh toán theo giá chào của tổ máy g trong chu kỳ giao dịch i của ngày giao dịch D thuộc chu kỳ thanh toán, kWh. | $Qbp_{d,i}$ | |
| Sản lượng điện năng phát sai khác so với sản lượng huy động theo lệnh điều độ tính tại đầu cực máy phát xác định cho chu kỳ giao dịch i . | Qdu_i | |
| Sản lượng điện năng phát tăng thêm của tổ máy g trong chu kỳ giao dịch i của ngày giao dịch D , kWh. | $Qcon_{d,i}^g$ | |
| Giá thanh toán cho tổ máy g phát tăng thêm trong chu kỳ giao dịch i của ngày giao dịch D , VND/kWh. | $Pcon_{d,i}^g$ | |
| Giá chào của nhà máy điện năng trong chu kỳ giao dịch i của ngày giao dịch D , VND/kWh. | $Pb_{d,i}$ | |
| Các khoản thanh toán khác, VND. | | |

Phụ lục 3

BIỂU MẪU KHOẢN THANH TOÁN HỢP ĐỒNG SAI KHÁC

(Ban hành kèm theo Quy trình phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các Đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn duy nhất)

ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

Bảng 1. BẢNG GIÁ ĐIỆN NĂNG THỊ TRƯỜNG THÁNG M

| Ngày | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
|------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| 01/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 02/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 03/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 04/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 29/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 30/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 31/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

...., ngày..... tháng.....năm

ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN
(Ký và đóng dấu)

Bảng 2. BẢNG GIÁ CÔNG SUẤT THÁNG M

| Ngày | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
|------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| 01/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 02/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 03/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 04/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 05/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 06/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 07/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 08/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 29/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 30/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 31/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

..., ngày..... tháng.....năm

ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN
(Ký và đóng dấu)

Bảng 3. BẢNG TỔNG HỢP KHOẢN THANH TOÁN HỢP ĐỒNG SAI KHÁC THÁNG M

| Ngày | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | Tổng |
|-------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|------|
| 01/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 02/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 03/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 04/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 05/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 06/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 07/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 08/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 29/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 30/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 31/.../... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

..., ngày..... tháng.....năm

ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN
(Ký và đóng dấu)

Phụ lục 4

BIỂU MẪU BẢNG XÁC NHẬN SỰ KIẾN THẮNG

(Ban hành kèm theo Quy trình phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các Đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn duy nhất)

ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Bảng 1. BẢNG XÁC NHẬN KHỞI ĐỘNG, NGỪNG MÁY ĐỂ KHÔNG TÍNH SAI LỆNH ĐIỀU ĐỘ

| Tổ máy | Thời điểm lệnh ngừng máy hoặc lệnh thay đổi công suất về 0 | | Thời điểm hoàn thành lệnh ngừng máy (tách lưới) | | Thời điểm hoàn thành lệnh khởi động (Hòa lưới) | | Thời điểm tổ máy đạt lệnh điều độ hoặc đạt công suất phát ổn định thấp nhất | | Ghi chú |
|--------|--|-------------|---|-------------|--|-------------|---|-------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

Bảng 2. BẢNG XÁC NHẬN LẦN KHỞI ĐỘNG ĐƯỢC THANH TOÁN CHI PHÍ KHỞI ĐỘNG

| Tổ máy/lò máy | Lý do ngừng tổ máy/lò máy | Thời điểm hoàn thành lệnh ngừng tổ máy/lò máy (tách lưới) | | Thời điểm khởi động | | Thời điểm hoàn thành lệnh khởi động (Hòa lưới) | | Thời điểm tổ máy/lò máy đạt lệnh điều độ hoặc đạt công suất phát ổn định thấp nhất | | Nhiên liệu | Cấu hình | Ghi chú |
|---------------|---------------------------|---|-------------|---------------------|-------------|--|-------------|--|-------------|------------|----------|---------|
| | | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Bảng 3. BẢNG XÁC NHẬN THỜI GIAN TỔ MÁY BỊ SỰ CỐ KÉO DÀI QUÁ 72 GIỜ

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu sự cố | | Thời điểm kết thúc sự cố | | Ghi chú |
|--------|-------------------------|----------------|--------------------------|----------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Bảng 4. BẢNG XÁC NHẬN THỜI GIAN TỔ MÁY SỬA CHỮA KÉO DÀI SO VỚI KẾ HOẠCH ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

| Tổ máy | Thời điểm tổ máy bắt đầu tách ra sửa chữa theo kế hoạch | | Thời điểm tổ máy kết thúc sửa chữa theo kế hoạch | | Thời điểm tổ máy bắt đầu tách ra sửa chữa theo thực tế | | Thời điểm tổ máy kết thúc sửa chữa theo thực tế | | Ghi chú |
|--------|---|----------------|--|----------------|--|----------------|---|----------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

Bảng 5. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM TỔ MÁY PHÁT CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG PHỤC VỤ ĐIỀU CHỈNH ĐIỆN ÁP

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu | | Thời điểm kết thúc | | Ghi chú |
|--------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Bảng 6. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM TỔ MÁY CHẠY THÍ NGHIỆM

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu | | Thời điểm kết thúc | | Cấu hình | Ti lệ % không phải nhiên liệu chính | Ghi chú |
|--------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|----------|-------------------------------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Bảng 7. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM NÓI LƯỚI KHU VỰC NHẬN ĐIỆN MUA TỪ NƯỚC NGOÀI

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu | | Thời điểm kết thúc | | Ghi chú |
|--------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Bảng 8. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM TỔ MÁY BỊ TÁCH RA NGOÀI THỊ TRƯỜNG DO VI PHẠM MỨC NƯỚC GIỚI HẠN TUẦN

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu | | Thời điểm kết thúc | | Lý do tách ra ngoài thị trường Điện | Ghi chú |
|--------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|-------------------------------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Bảng 9. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM TỔ MÁY ĐÃ CÓ KẾ HOẠCH NGỪNG MÁY ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT NHƯNG VẪN PHẢI PHÁT CÔNG SUẤT THEO YÊU CẦU CỦA SMO

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu | | Thời điểm kết thúc | | Ghi chú |
|--------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Bảng 10. BẢNG XÁC NHẬN CHUYỂN ĐỔI NHIÊN LIỆU

| Tổ máy | Cấu hình | Chế độ chuyển đổi | Thời điểm bắt đầu chuyển đổi | | Thời điểm hoàn thành lệnh chuyển đổi | | Thời điểm bắt đầu ngừng chế độ chuyển đổi | | Thời điểm kết thúc chuyển đổi hoặc ngừng máy | | Tỉ lệ % không phải nhiên liệu chính | Ghi chú |
|--------|----------|-------------------|------------------------------|----------------|--------------------------------------|----------------|---|----------------|--|----------------|-------------------------------------|---------|
| | | | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Bảng 11. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM VẬN HÀNH CHU TRÌNH ĐƠN

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu | | Thời điểm kết thúc | | Tỉ lệ % không phải nhiên liệu chính | Ghi chú |
|--------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|-------------------------------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Bảng 12. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM NHÀ MÁY THAM GIA ĐIỀU CHỈNH TẦN SỐ TRONG THỜI GIAN LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC BỊ TÁCH KHỎI LƯỚI ĐIỆN QUỐC GIA

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu | | Thời điểm kết thúc | | Ghi chú |
|--------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Bảng 13. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM NHÀ MÁY ĐẢM NHIỆM CHỨC NĂNG ĐIỀU TẦN CẤP MỘT THEO CHỈ ĐỊNH CỦA SMO

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu | | Thời điểm kết thúc | | Ghi chú |
|--------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | |
| | | | | | |
| | | | | | |

**Bảng 14. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM NHÀ MÁY TUABIN KHÍ TẠM THỜI GIÁN TIẾP
THAM GIA THỊ TRƯỜNG ĐIỆN THEO YÊU CẦU CỦA SMO**

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu | | Thời điểm kết thúc | | Ghi chú |
|-----------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | |
| | | | | | |
| | | | | | |

**Bảng 15. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN PHÁT CÔNG SUẤT LỚN HƠN CÔNG SUẤT
CÔNG BỐ TRONG BẢN CHÀO GIÁ NGÀY TỚI THEO YÊU CẦU CỦA SMO**

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu | | Thời điểm kết thúc | | Ghi chú |
|-----------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Đơn vị phát điện cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Hồ sơ xác nhận sự kiện.

..., ngày..... tháng.....năm

**ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN
(Ký và đóng dấu)**

Hà Nội, ngày..... tháng.....năm

**TRUNG TÂM ĐIỀU ĐỘ HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA
(Ký và đóng dấu)**

Phụ lục 5
BIỂU MẪU THÔNG TIN VẬN HÀNH

Bảng 1. BẢNG THÔNG BÁO NGỪNG MÁY DO SỰ CỐ

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu | | Thời điểm kết thúc | | Nội dung | Ghi chú |
|--------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|----------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Bảng 2. BẢNG THÔNG BÁO NGỪNG MÁY SỬA CHỮA THEO KẾ HOẠCH

| Tổ máy | Thời điểm bắt đầu | | Thời điểm kết thúc | | Nội dung | Ghi chú |
|--------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|----------|---------|
| | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | Ngày (dd-mm-yyyy) | Giờ (hh:mm) | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Đơn vị phát điện cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin về vận hành của nhà máy.

..., ngày..... tháng.....năm

ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN

(Ký và đóng dấu)